

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ IV NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số QĐ-BVĐK ngày / /2026 của Bệnh viện ĐK tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện Quý IV 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý IV năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu - chi sự nghiệp tại đơn vị				
1	Số thu sự nghiệp	1,005,845 đ	290,228	28.85	136.58
	Thu giá viện phí	905,983	263,300	29.06	127.89
	Thu từ BHYT	683,553	190,063		
	Thu trực tiếp từ bệnh nhân	222,430	73,237		
1.2	Thu khác	99,861	26,928	26.97	407.52
	Nhà thuốc	86,358	16,983		
	Thu hoạt động khác	13,503	9,945		
2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị	879,659	206,940	23.53	145.54
2.1	Chi sự nghiệp y tế	705,605	166,522	23.60	145.79
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên. Trong đó:	705,605	166,522	23.60	145.79
	- Chi cho con người	238,115	47,977		
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	47,591	898		
	- Chi mua sắm TS, s/c phục vụ chuyên môn (bao gồm đặt máy)	337,732	93,668		
	- Chi nhà thuốc	66,020	12,722		
	- Chi khác	6,758	6,406		
	- Nộp ngân sách, lãi vay ODA	9,389	4,851		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	174,054	40,418	23.22	144.53
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. Trong đó:	174,054	40,418	23.22	144.53
	- Chi cho con người	59,529	11,994		
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	11,898	225		
	- Chi mua sắm, s/c phục vụ chuyên môn	84,433	23,417		
	- Chi nhà thuốc	16,505	3,180		
	- Chi khác	1,689	1,602		
	- Nộp ngân sách				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	1,107	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1,107		